

CÔNG TY TNHH GOLD BEE FARM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GOLD BEE FARM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GOLD BEE FARM COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: GOLD BEE FARM CO ., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110709737

3. Ngày thành lập: 09/05/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 21 ngõ 254 Minh Khai, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912629595

Fax:

Email: farmongvang@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Hoạt động xây dựng chuyên biệt sử dụng trong tất cả các kết cấu công trình: - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, phun cát và các hoạt động tương tự cho mặt ngoài công trình nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển. Chi tiết: Dịch vụ thi công, phòng chống mối mọt, diệt các loại côn trùng, diệt chuột và bảo quản gỗ cho các công trình xây dựng (không bao gồm xông hơi khử trùng)"	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
7.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

8.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, Kinh doanh thực phẩm chức năng;	4632
9.	Bán buôn đồ uống	4633
10.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
11.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
12.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu - Bán buôn đồ chơi và dụng cụ y tế	4649
13.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
14.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
15.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
16.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659
17.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
18.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
19.	Trồng cây lấy sợi	0116
20.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
21.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
22.	Trồng cây hàng năm khác	0119
23.	Trồng cây ăn quả	0121
24.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
25.	Trồng cây điều	0123
26.	Trồng cây hồ tiêu	0124
27.	Trồng cây cao su	0125

28.	Trồng cây cà phê	0126
29.	Trồng cây chè	0127
30.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
31.	Trồng cây lâu năm khác	0129
32.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
33.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
34.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
35.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
36.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
37.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
38.	Chăn nuôi gia cầm	0146
39.	Chăn nuôi khác Chi tiết: - Nuôi và tạo giống các con vật nuôi trong nhà, các con vật nuôi khác kể cả các con vật cảnh (trừ cá cảnh): chó, mèo, thỏ. - Nuôi ong và sản xuất mật ong - Nuôi tằm, sản xuất kén tằm. - Chăn nuôi chó nghiệp vụ, chó cảnh;	0149(Chính)
40.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
41.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
42.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
43.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
44.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
45.	Săn bắt, đánh bắt và hoạt động dịch vụ có liên quan	0170
46.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
47.	Khai thác gỗ	0220
48.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
49.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
50.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
51.	Khai thác thủy sản biển	0311
52.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
53.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
54.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
55.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiểu năng, tâm thần và người nghiện	8720
56.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người có công, người già và người khuyết tật không có khả năng tự chăm sóc	8730
57.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác	8790
58.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí Chi tiết: Hoạt động của các nhóm, gánh xiếc, hoặc các công ty, ban nhạc, dàn nhạc.	9000
59.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311

60.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao	9312
61.	Hoạt động thể thao khác	9319
62.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
63.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề); Hoạt động của các khu giải trí; Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí; Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên;	9329
64.	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
65.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
66.	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820
67.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
68.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản - Dịch vụ tư vấn bất động sản - Dịch vụ quản lý bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Chi tiết: Quản lý vận hành nhà chung cư (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
69.	Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm các dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kế toán, kiểm toán, chứng khoán)	7020
70.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Khảo sát xây dựng; - Lập quy hoạch xây dựng; - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: Thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng - Tư vấn đấu thầu	7110
71.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
73.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212

74.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
75.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
76.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
77.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra)	7320
78.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Thiết kế mẫu mã, nhãn mác, nhãn bản nhãn mác hàng hóa, in, photocopy	7410
79.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
80.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
81.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ quần áo, giày dép, đồ dùng, hàng ngũ kim, mỹ phẩm, đồ trang sức, đồ chơi, đồ thể thao, lương thực thực phẩm, trong đó lương thực, thực phẩm, đồ uống hoặc sản phẩm thuốc lá, thuốc láo có doanh thu chiếm tỷ trọng nhỏ hơn các mặt hàng khác trong siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
82.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
83.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
84.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	4723
85.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
86.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
87.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
88.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
89.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
90.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
91.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
92.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
93.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
94.	Sản xuất đường	1072
95.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
96.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
97.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
98.	Sản xuất chè	1076
99.	Sản xuất cà phê	1077

100.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Rang và lọc cà phê; - Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hoà tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; - Sản xuất các chất thay thế cà phê; - Trộn chè và chất phụ gia; - Sản xuất chiết suất và chế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; - Sản xuất súp và nước xuyết; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạc và mù tạc; - Sản xuất giấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: bánh sandwich, bánh pizza.	1079
101.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thuỷ sản	1080
102.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
103.	Sản xuất rượu vang	1102
104.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
105.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
106.	Sản xuất sản phẩm thuốc lá	1200
107.	Sản xuất sợi	1311
108.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
109.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
110.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
111.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
112.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
113.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
114.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
115.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
116.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
117.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
118.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
119.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
120.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
121.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
122.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
123.	Sản xuất hoá chất cơ bản (Trừ hóa chất nhà nước cấm)	2011

124.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5510
125.	Cơ sở lưu trú khác	5590
126.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);	5610
127.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....	5621
128.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. - Hoạt động cung cấp suất ăn công nghiệp cho các nhà máy, xí nghiệp.	5629
129.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar)	5630
130.	Hoạt động hậu kỳ	5912
131.	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	5920
132.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm. (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung cấp nhân lực cho các tổ chức, doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
133.	Đại lý du lịch	7911

134.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa - Kinh doanh lữ hành quốc tế	7912
135.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
136.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
137.	Xây dựng nhà để ở	4101
138.	Xây dựng nhà không để ở	4102
139.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
140.	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây lắp các công trình đường dây và trạm biến áp đến 35KV;	4221
141.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
142.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
143.	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: - Xây dựng công trình xử lý bùn. - Xây dựng các công trình công ích khác chưa được phân vào đâu.	4229
144.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
145.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: - Xây dựng công trình khác không phải nhà như: công trình thể thao ngoài trời. - Chia tách đất với cải tạo đất + Nhà máy lọc dầu, + Nhà máy hoá chất,	4299
146.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
147.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
148.	Lắp đặt hệ thống điện	4321

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ BÓN	Việt Nam	Thôn Nam Giáp, Xã Đức Bắc, Huyện Sông Lô, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam	400.000.000	20,000	026183013623	
2	LÊ MAI PHI CƯỜNG	Việt Nam	14 Hàng Thùng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	1.600.000.000	80,000	001069002366	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: LÊ MAI PHI CƯỜNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 02/05/1969

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001069002366

Ngày cấp: 04/02/2022

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: 14 Hàng Thùng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 14 Hàng Thùng, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội